

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND này 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3817/SKHĐT-TĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc trình ký quyết định triển khai Nghị quyết số 30/NQ-HĐND này 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND này 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5), như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 84.810,433 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương là 69.556,21 tỷ đồng, gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách địa phương được giao là 38.604,5 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299,1 tỷ đồng

- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 10.600 tỷ đồng.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 7.700 tỷ đồng.

- Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021 là 1.000 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương là 1.005,4 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn bổ sung trong giai đoạn 2021-2025 là 30.951,712 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn khai thác đấu giá đất là 29.499,737 tỷ đồng.

- Nguồn vốn kết dư giai đoạn 2016-2020 là 186,412 tỷ đồng.

- Nguồn thu vượt xố số kiến thiết năm 2022, 2023 là 882,293 tỷ đồng.

- Nguồn quỹ sắp xếp doanh nghiệp là 383,270 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách trung ương là 15.254,221 tỷ đồng, gồm:

a) Vốn trong nước là 13.221,621 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài là 2.032,6 tỷ đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số I và II đính kèm)

Điều 2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng nguồn vốn nêu trên đến chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS và các phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số ...2322.../QĐ-UBND ngày 05.../...8.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 33)	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	84.810.433	84.810.433
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	38.604.500	38.604.500
1	Vốn ngân sách tập trung	18.299.100	18.299.100
1.1	Ngân sách tỉnh	10.979.460	10.979.460
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	10.979.460	10.979.460
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	0	0
1.2	Vốn ngân sách huyện	7.319.640	7.319.640
a	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	7.319.640	7.319.640
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (gồm 7.500 tỷ đồng được giao từ đầu kỳ trung hạn và 3.100 tỷ bổ sung trong kỳ trung hạn)	10.600.000	10.600.000
a	Quỹ phát triển nhà	792.300	792.300
b	Quỹ phát triển đất	2.376.900	2.376.900
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	4.753.800	4.753.800
d	Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh	2.677.000	2.677.000
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.700.000	7.700.000
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	4.620.000	4.620.000
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	0	0
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	3.080.000	3.080.000
4	Ngân sách trung ương thưởng vượt dự toán thu ngân sách năm 2021	1.000.000	1.000.000
5	Bội chi ngân sách địa phương	1.005.400	1.005.400



TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 33)	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh
	<i>Trong đó</i>		
a	Vay lại vốn ODA	5.400	5.400
b	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000	1.000.000
B	NGUỒN VỐN BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025	31.918.461	30.951.712
1	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	186.412	186.412
a	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 NSTT	20.208	20.208
b	Nguồn vốn kết dư ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án xã hội hóa các năm trước	11.652	11.652
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 XSKT	154.552	154.552
2	Nguồn thu vượt XSKT năm 2022, 2023	454.440	882.293
3	Nguồn khai thác đấu giá đất	31.277.609	29.499.737
4	Nguồn Quỹ sắp xếp doanh nghiệp		383.270
C	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	14.287.472	15.254.221
I	Vốn trong nước	12.254.872	13.221.621
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực		
	Trong đó		
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	7.662.972	8.629.721
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	2.000.000	2.000.000
3	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900	2.591.900
II	Vốn nước ngoài	2.032.600	2.032.600

S T T	Đanh mục dự án	ĐD XD	Tiền dự thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (33/NO-04/NO-HĐND ngày 19/01/2024)	Trong đó					Trong đó					Chú đầu tư			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020 NSTT	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022	Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh	NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT		XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Quy cấp xếp doanh nghiệp	
1	Nâng cấp đường DT 761 từ Km 0+000 đến Km 20+500 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Hưng Yên	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
a	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 Bối cảnh hiện			148.000		40.000	108.000				161.500	40.000	121.500					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
b	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 Bối cảnh hiện			210.000		0	210.000				186.102	0	186.102					UBND huyện Xuân Lộc	
c	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 Bối cảnh hiện			108.000		8.803	99.197				82.125	8.803	73.322					UBND huyện Đình Quán	
6	Cải tạo nâng cấp đường DT 768 đoạn từ cầu Vuốt Thủ Biên đến giao với đường DT 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả phi chuẩn bị đầu tư) gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện			671.200															
a	Cải tạo nâng cấp đường DT 768 đoạn từ cầu Vuốt Thủ Biên đến giao với đường DT 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện			112.418		7.300	105.118				115.418	7.300	108.118					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
	Khoản công mới giải ngân năm 2021-2025																		
1	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK		113.020	111.000	41.154	69.846				111.000	41.154	55.846					UBND thành phố Long Khánh	
2	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK		70.310	67.000	40.520	26.480				50.000	40.520	9.480		14.000			UBND thành phố Long Khánh	
3	Xây dựng các tuyến đường trong nội bộ Khu 1 - Khu 2 do an toàn đường kết nối vào Công Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 199 đến nút giao với trục cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch	BH		318.138	260.000	260.000	260.000				260.000	260.000	260.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
4	Đư an bồi thường, bồi trợ tại địa chỉ cư dân phường mã hàng đang ven sông Ca đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Tân Quốc Tế, phường Tân Phú (NST 100%)	BH		3.247.000	3.200.000	315.712	2.884.288				1.449.900	311.242	888.658				250.000	UBND thành phố Biên Hòa	
7	Đường An 4 Xã Sông Nham xã An 35, huyện Cẩm Mỹ	CM		41.981	40.000	29.750	10.250				39.750	29.750	0					UBND huyện Cẩm Mỹ	
6	Đường An 4 Xã Sông Nham xã An 35, huyện Cẩm Mỹ	TP		130.000	120.440	31.260	89.180				120.440	31.260	78.180					UBND huyện Tân Phú	
8	Nâng cấp nội tuyến đường Hàng Vương - Tân Phú (NST 50%)	XL		359.650	171.600	66.400	105.200				219.210	66.400	122.810					UBND huyện Xuân Lộc	
9	Đường từ nút giao Vươn Mìn đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH		2.148.668	350.000	2.000	348.000				692.500	2.000	690.500					UBND thành phố Biên Hòa	
10	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cạn Dương (NST 100%)	LT		479.923	334.800	1.000	333.800				240.000	1.000	239.000					UBND huyện Long Thành	
11	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST 100%	XL		116.110	111.000	61.000	50.000				111.000	65.470	45.530					UBND huyện Xuân Lộc	
11	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021																		
1	Dư an bồi thường bồi trợ tại cánh đồng 78A, 78B và 25 huyện Thuận Hải	TN		53.897	31.000	31.000					36.500	31.000	5.500					UBND huyện Thuận Hải	
	Khoản công mới giải ngân năm 2021-2025																		
1	Dư an Nao và Kach Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC		459.620	41.900	1.800	40.100				328.501	1.800	326.701					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	
2	Dư an Bò bao ngoài hồ sông La Ngà, huyện Tân Phú	TP		207.561	52.000	10.000	42.000				69.593	10.000	59.593					Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi	
3	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trach, huyện Vĩnh Cửu	VC		504.865	101.500	1.500	100.000				427.044	1.500	425.544					UBND huyện Vĩnh Cửu	
4	Dư an chống sạt lở tại khu vực đất tương niệm các chiến sỹ đặc công 113	BH-TB		37.800	0						7.900		7.900					Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai	
III	Công nghệ thông tin (chuyên đổi số)																		
	Khoản công mới giải ngân năm 2021-2025																		
1	Dư an nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	BH		20.000	100	100	100				19.500	100	19.500					Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Dư an đầu tư hệ thống bộ đàm công nghệ số Công an tỉnh Đồng Nai	DN		29.976	100	100	100				27.100	100	27.100					Công an tỉnh Đồng Nai	
3	Dư an triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa	BH			100	100	100				18.400	100	18.400					Sở Y tế	
4	Dư an đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyên đổi số ngành Y tế Đồng Nai	BH		24.924	100	100	100				22.800	100	22.800					Sở Y tế	

S T	Danh mục dự án	BD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (33/NO-HBND ngày 04/NO-19/01/2024)	trong đó					Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh	trong đó					Chủ đầu tư	
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020 NSTT	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vãng 2022		NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vãng 2022, 2023		Quy sắp xếp doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	ĐN	Tối đa 04 năm	796.921	250.000		250.000				517.000		250.000			133.730	133.270	Công an tỉnh Đồng Nai
IV	Vấn hóa - xã hội																	
	Khoi công mới giai đoạn 2021-2025																	
1	Dự án Nha Tu niệm Tĩnh úy T.âm thời Biên Hòa tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	24.170							20.700		20.700					UBND huyện Vĩnh Cửu
2	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp cấp nguồn cho Tru sở làm việc Bảo Động Nai	BH	Tối đa 3 năm	1.950							1.800		1.800					Bảo Động Nai
V	Y tế, dân số và gia đình																	
	Khoi công mới giai đoạn 2021-2025																	
1	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	467.563							130.000		57.823		72.177			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
V1	An ninh và trật tự, an toàn xã hội																	
	Dự án chuyển tiếp																	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2023	754.000		460.000	55.000				709.038	460.000	249.038					Công an tỉnh Đồng Nai
V11	Quốc phòng																	
	Khoi công mới giai đoạn 2021-2025																	
1	Dự án V1			536.700			500.000				500.000		463.687			36.313		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1633/QĐ-BQP ngày 24/4/2024 của Bộ Quốc phòng			287.141							254.000		254.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
G2	Chẩn bị đầu tư																	
1	Dự án xây dựng cầu thay phia cat lai theo hình thức đầu tác công tư, hợp đồng BOT	NT		4.673							4.673		4.673					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Hệ thống thông tin ngành kế hoạch và đầu tư giai đoạn I (trừ phần việc đầu tư công)	3H									100		100					Sở Kế hoạch và đầu tư